

huyện được tuyển chọn chuyên gia trong nước với các mức lương như sau:

- 01 chuyên gia trong nước về mua sắm, đấu thầu của Ban Điều phối Dự án tỉnh: 200 USD/tháng.

- 01 chuyên gia trong nước về “Xây dựng và quản lý kế hoạch” và 01 chuyên gia trong nước về “Phát triển cộng đồng” của Ban Điều phối Dự án huyện: 150 USD/người/tháng.

10. Phụ cấp cho cán bộ Ban Điều phối Dự án các cấp: Công chức thuộc biên chế các cơ quan hành chính sự nghiệp của Nhà nước được điều chuyển sang làm việc tại các Ban Điều phối Dự án Trung ương và các Ban Điều phối Dự án cấp tỉnh, huyện được hưởng phụ cấp hàng tháng theo Điều 1 của “Quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) vay nợ” ban hành kèm theo Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC ngày 09/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Khoản phụ cấp này được chi trả từ nguồn vốn đối ứng của Dự án.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, các địa phương thụ hưởng dự án, Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

Các khoản kinh phí đã tạm ứng hoặc vay để chi từ khi dự án có hiệu lực đến thời điểm hiệu lực của Thông tư liên tịch này được phép thanh toán theo các mức chi cụ thể quy định tại Thông tư liên tịch này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về liên Bộ để xem xét giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Lê Thị Băng Tâm

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO

Thứ trưởng

Đặng Huỳnh Mai

TÀI CHÍNH - XÂY DỰNG

**THÔNG TƯ liên tịch số 38/2004/
TTLT-BTC-BXD ngày 26/4/2004
hướng dẫn việc thông báo và
kiểm soát giá vật liệu xây
dựng trong lĩnh vực đầu tư
xây dựng.**

*Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP
ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc*

ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Để thực hiện quản lý chi phí trong đầu tư xây dựng, Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng hướng dẫn việc Thông báo và kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng đối với các công trình xây dựng như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Thông tư này hướng dẫn việc thông báo và kiểm soát giá vật liệu xây dựng trong lĩnh vực đầu tư xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các nguồn vốn khác do doanh nghiệp nhà nước tự vay, tự trả không có sự bảo lãnh của Nhà nước quy định tại các Điều 10, 11 và 12 Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng; khoản 4, 5 và 6 Điều 1 Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ và khoản 4, 5 và 6 Điều 1 Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ. Ngoài ra, khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác với các nguồn vốn nói trên áp dụng các quy định của Thông tư này.

Đối với những công trình xây dựng do Trung ương quản lý được xây dựng trên địa bàn địa phương nào thì phải áp dụng theo giá thông báo của địa phương đó.

Mức giá trong thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp là mức giá tối đa được sử dụng để tính đơn

giá, tính bù trừ chi phí vật liệu hoặc điều chỉnh giá trị dự toán.

Đối với giá thiết bị trong đầu tư xây dựng phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

II. THÔNG BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY LẮP

1. Hàng quý trong năm Sở Tài chính phối hợp với Sở Xây dựng (liên Sở) thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp phù hợp với mặt bằng giá tại địa phương.

Trường hợp cần thiết hàng tháng liên Sở có thể thông báo giá bổ sung và điều chỉnh giá một số loại vật liệu mới và loại vật liệu có giá biến động lớn.

2. Danh mục các loại vật liệu chủ yếu và phổ biến trong thông báo giá vật liệu đến hiện trường xây lắp như Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này (phải ghi đầy đủ ký, mã hiệu, tiêu chuẩn kỹ thuật).

3. Căn cứ mặt bằng giá và điều kiện cụ thể của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tài chính và Sở Xây dựng xác định giá vật liệu xây dựng phổ biến trên thị trường tại địa phương để thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp trên địa bàn.

Trường hợp đủ điều kiện để xác định giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp theo Phụ lục số 2 thì Sở Tài chính và Sở Xây dựng xác định nguồn cung cấp, cự ly vận chuyển bình quân, cấp

đường và bậc hàng của các loại vật liệu xây dựng chủ yếu và phổ biến để xác định giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp.

4. Vật liệu xây dựng sử dụng vào công trình phải đúng các yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế được duyệt. Những vật liệu xây dựng không có trong thông báo giá thì chủ đầu tư và đơn vị nhận thầu xây lắp căn cứ vào các chứng từ, hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm mua bán để xác định giá vật liệu xây dựng cho công trình và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của việc này.

5. Đối với những công trình xây dựng được phép lập đơn giá xây dựng riêng thì căn cứ phương pháp tính giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp tại Phụ lục số 2 để xác định bảng giá vật liệu xây dựng làm cơ sở lập đơn giá xây dựng công trình.

6. Trường hợp công trình ở vùng sâu, vùng xa, cách xa trung tâm huyện lỵ thuộc các tỉnh miền núi, hải đảo, các công trình theo tuyến... Việc vận chuyển vật liệu xây dựng đến công trình có nhiều điều khác biệt thì chủ đầu tư cùng các đơn vị liên quan căn cứ vào phương pháp tính giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp (Phụ lục 2) để xác định giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp cho công trình, báo cáo liên Sở kiểm tra ra thông báo.

7. Đối với địa bàn giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì liên Sở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần trao đổi thông tin với nhau trước khi ra Thông báo giá để tránh sự khác biệt quá lớn về giá vật liệu xây dựng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Xây dựng thực hiện nghiêm túc việc thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp của địa phương. Các thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp của địa phương phải gửi về Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng.

3. Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan kiểm tra, kiểm soát thường xuyên việc thực hiện thông báo giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp quy định tại địa phương.

Qua việc kiểm tra áp dụng thông báo giá vật liệu xây dựng nêu trên nếu phát hiện sai trái, thì toàn bộ số tiền chênh lệch thanh toán không phù hợp sẽ bị xử

lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Các chủ đầu tư và các nhà thầu xây lắp phải căn cứ vào yêu cầu của thiết kế, quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các quy định của Thông tư này để lựa chọn phương án mua và sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Thông tư này thay thế Thông tư liên Bộ số 03/TT-LB ngày 27/7/1996 của liên Bộ Ban Vật giá Chính phủ - Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn việc thực hiện thông báo và kiểm soát giá vật liệu xây dựng, giá thiết bị trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng để kịp thời xử lý./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Nguyễn Ngọc Tuấn

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Thứ trưởng

Đình Tiến Dũng

0633490
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft

Phụ lục 1**DANH MỤC NHÓM CÁC LOẠI VẬT LIỆU CHỦ YẾU QUY ĐỊNH THEO THÔNG BÁO VÀ KIỂM SOÁT GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

(kèm theo Thông tư liên tịch số 38/2004/TTLT-BTC-BXD
ngày 26 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng).

Số thứ tự	Danh mục nhóm các loại vật liệu chủ yếu quy định trong thông báo và kiểm soát giá vật liệu xây dựng (quy cách vật liệu)	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Ký mã hiệu	Giá thông báo tại... (đồng)	Ghi chú
1	Xi măng các loại	kg				
2	Cát các loại	m ³				
3	Đá các loại	m ³				
4	Vôi	tấn				
5	Đất cấp phối	m ³				
6	Gạch xây các loại	viên				
7	Gạch lát các loại	m ²				
8	Gạch ốp các loại	m ²				
9	Gỗ các loại	m ³				
10	Thép hình các loại	kg				
11	Thép tấm các loại	kg				
12	Thép tròn các loại	kg				
13	Thép ống tròn các loại	kg				
14	Thép ống vuông các loại	kg				
15	Thép ống chữ nhật các loại	kg				
16	Các loại cửa gỗ, cửa kính khung nhôm	m ²				
17	Nhựa đường các loại	kg				
18	Kính các loại	m ²				
19	Sơn các loại	kg				
20	Cọc BTCT các loại (vuông, tròn, chữ nhật - kèm theo tiết diện)	m				
21	Cột điện các loại	m				
22	Cọc cừ các loại	m				

09637890

23	Vữa bê tông thương phẩm các độ sụt...	m ³				
24	Tấm lợp các loại (tôn múi, ngói...)	m ²				
25	Vật liệu điện trong và ngoài nhà các loại (dây điện, công tắc điện, áp tô mát...)	(m, cái)				(dây điện: m; công tắc, áp tô mát.....: cái)
26	Dây buộc các loại (thép, ni lông, đay...) Vật liệu nước trong và ngoài nhà các loại (ống thép, ống gang, ống cống bê tông cốt thép, và các phụ kiện khác....)	(m, cái)				(đường ống: m; phụ kiện: cái)
27	Cốp pha thép các loại.	m ²				
28	Các loại vật liệu trang trí nội ngoại thất. (các loại phào thạch cao, phào gỗ, giấy dán tường, giấy dán nền...)	(m, m ²)				(phào: m; giấy dán: m ²)
29	Keo dán các loại....	kg				
30	Phụ kiện khu vệ sinh, bếp					

Phụ lục 2

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY LẮP

(kèm theo Thông tư liên tịch số 38/2004/TTLT-BTC-BXD ngày 26/4/2004 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng).

I. CĂN CỨ XÁC ĐỊNH GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY LẮP

Giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp: là giá vật liệu xây dựng đến chân công trình bao gồm các chi phí: Giá gốc vật liệu (là giá bán tại nơi sản xuất hoặc đại lý chính thức theo quy định của nhà sản xuất); chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp, chi phí tại hiện trường xây lắp được xác định trên các căn cứ sau:

+ Sơ đồ nguồn sản xuất và cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng trong phạm vi tỉnh, thành phố hoặc sơ đồ nguồn sản xuất, cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng

của công trình (do Ban đơn giá công trình xác lập).

+ Giá bán tại nguồn hoặc địa điểm cung cấp tập trung; bảng giá cước vận tải, bốc xếp vật liệu xây dựng ở thời điểm lập đơn giá.

+ Cự ly vận chuyển, cấp loại đường, bậc hàng, loại phương tiện vận chuyển.

+ Một số khoản mục chi phí (chi phí trung chuyển (nếu có), vận chuyển trong nội bộ công trình...).

II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN HIỆN TRƯỜNG XÂY LẮP

Giá vật liệu xây dựng đến hiện trường xây lắp được xác định theo công thức:

$$g^{VL} = g^g + C^{vc} + C^{ht} \quad (1)$$

Trong đó:

g^{VL} : giá vật liệu đến hiện trường xây lắp.

g^g : Giá gốc vật liệu.

C^{vc} : Chi phí vận chuyển bốc xếp.

C^{ht} : Chi phí tại hiện trường xây lắp.

1. Giá gốc vật liệu (g^g):

Giá gốc vật liệu (g^g) là giá mua 1 đơn vị tính (m^3 , tấn, 1000 viên...) của từng loại vật liệu có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách tại nguồn sản xuất, cung cấp hoặc tại các cửa hàng (hoặc đại lý chính) kinh doanh vật liệu xây dựng, được xác

định theo mức giá thấp nhất sau khi đã trừ đi các chi phí cho phép.

- Khi vật liệu chỉ mua ở một nguồn thì giá gốc bình quân chính bằng giá gốc mua tại nguồn đó: $g^g = g_i$ (2)

- Nếu vật liệu mua từ nhiều nguồn khác nhau thì g^g được xác định như sau:

+ Trường hợp xác định được số lượng vật liệu mua ở từng nguồn, g^g xác định theo công thức (3):

$$g^g = \frac{\sum_{i=1}^n g_i \cdot q_i}{\sum_{i=1}^n q_i} \quad (3)$$

Trong đó:

g_i : Giá gốc của 1 đơn vị vật liệu mua tại nguồn i (đ/ DVT).

q_i : Số lượng vật liệu mua tại nguồn i (m^3 , 1000 viên, tấn...).

n : Số nguồn cung cấp vật liệu.

+ Khi chỉ ước lượng được tỷ trọng (%) khối lượng vật liệu qua số liệu thống kê mà không xác định được số lượng mua cụ thể, g^g xác định theo công thức (4):

$$g^g = \sum_{i=1}^n g_i \cdot f_i \quad (4)$$

Trong đó:

f_i : Tỷ trọng khối lượng vật liệu mua ở nguồn i (%).

+ Khi không có đủ dữ liệu như 2 trường hợp trên thì g^g tính theo phương pháp bình quân số học theo công thức (5):

$$g^g = \frac{\sum_{i=1}^n g_i}{n} \quad (5)$$

2. Chi phí vận chuyển bốc xếp (C^{vc}):

Chi phí vận chuyển bốc xếp xác định theo công thức:

$$C^{vc} = C_{vc} + C_{BX} + C_{TC}$$

Trong đó: C_{vc} là chi phí vận chuyển; C_{BX} là chi phí bốc xếp lên phương tiện bên mua (nếu có); C_{TC} là chi phí trung chuyển (nếu có). Từng thành phần chi phí xác định như sau:

2.1. Chi phí vận chuyển: (C_{vc})

Khoản chi phí này được xác định căn cứ vào cự ly vận chuyển. Giá cước theo phương tiện vận chuyển, cấp đường, bậc hàng của từng nhóm loại vật liệu do cấp có thẩm quyền quy định.

Cách tính chi phí vận chuyển:

+ Khi vật liệu được mua tại 1 nguồn cung cấp, C_{vc} xác định theo công thức (6):

$$C_{vc} = \sum_{i=1}^n T \cdot l_i \cdot C_i \quad (6)$$

Trong đó:

T: Trọng lượng đơn vị tính bằng tấn.

l_i : Độ dài quãng đường vận chuyển (Km) của cấp đường loại i.

C_i : là mức giá cước của loại phương tiện tương ứng với bậc hàng tính theo

tổng độ dài quãng đường của tuyến vận chuyển với cấp đường loại i (đ/TKm).

(Mức giá cước của loại phương tiện vận chuyển, cấp đường, bậc hàng vận chuyển... theo các quy định của cơ quan có thẩm quyền).

+ Khi vật liệu được mua từ nhiều nguồn cung cấp C_{vc} xác định theo công thức (7):

$$C_{vc} = T \cdot l_{bq} \cdot C_{bq} \quad (7)$$

Trong đó:

l_{bq} : Là cự ly vận chuyển bình quân từ các nguồn (Km), xác định theo công thức (8):

$$l_{bq} = \frac{\sum_{i=1}^m q_i \cdot l_i}{\sum_{i=1}^m q_i} \quad (8)$$

C_{bq} : Là giá cước vận chuyển bình quân của các loại đường (đ/TKm), xác định theo công thức (9):

$$C_{bq} = \frac{\sum_{i=1}^n l_i \cdot c_i}{\sum_{i=1}^m l_i} \quad (9)$$

Trong đó:

q_i : Như chú giải trong công thức (3).

n: Số nguồn cung cấp vật liệu.

m: Số quãng đường có giá cước khác nhau.

2.2. Chi phí bốc xếp lên phương tiện bên mua (nếu có): (C_{BX})

Thông thường thì chi phí bốc xếp vật liệu lên phương tiện bên mua được tính gộp vào giá mua vật liệu tại điểm cung cấp (hay còn gọi là giá giao trên phương tiện vận chuyển bên mua). Trường hợp đặc biệt thì mới tính chi phí bốc xếp tại nơi mua vật liệu. Nhưng không được vượt quá mức giá cước do cơ quan có thẩm quyền quy định.

2.3. Chi phí trung chuyển một đơn vị vật liệu (C_{tc}) (nếu có)

Trường hợp đặc biệt bắt buộc phải thực hiện trung chuyển vật liệu trong quá trình vận chuyển vật liệu (do thay đổi phương tiện vận chuyển khi tuyến đường vận chuyển không cho phép sử dụng được một loại phương tiện chuyên chở, hoặc thay đổi vận chuyển từ cơ giới sang vận chuyển bằng thủ công (gánh bộ, xe cải tiến...))

Chi phí trung chuyển bao gồm:

$$C_{tc} = C_{bx} + C_{hh} \quad (10)$$

Trong đó:

C_{bx} : Chi phí xếp dỡ vật liệu khi trung chuyển tính theo giá cước do địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc căn cứ vào định mức lao động và các chế độ chính sách tiền lương công nhân xây dựng cơ bản để tính toán

C_{hh} : Chi phí hao hụt trung chuyển, chi

phí này tính bằng định mức tỷ lệ phần trăm trên giá mua (theo quy định của Bộ Xây dựng) + chi phí vận chuyển + bốc dỡ.

3. Chi phí tại hiện trường xây lắp.

Là chi phí để đưa vật liệu từ trên phương tiện vận chuyển tại hiện trường vào khu vực xây lắp bao gồm:

$$C_{ht} = C_{bd} + C_{venb} \quad (11)$$

Trong đó:

(C_{bd}) Chi phí bốc dỡ vật liệu từ phương tiện vận chuyển xuống và xếp vào vị trí theo yêu cầu (đối với các vật liệu không sử dụng phương tiện vận chuyển tự đổ, tự nâng).

Chi phí này được tính theo giá cước xếp dỡ do địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc tính theo định mức lao động trong xây dựng cơ bản (theo quy định của Bộ Xây dựng) và các chế độ chính sách tiền lương đối với công nhân xây dựng cơ bản.

Chi phí vận chuyển nội bộ công trường (C_{venb}) trong phạm vi cự ly bình quân theo quy định là 300m cho tất cả các loại vật liệu và các loại công trình. Chi phí này được tính theo định mức lao động vận chuyển trong xây dựng và các chế độ, chính sách tiền lương như đã nói ở trên.

Đối với các công trình xây dựng có quy mô lớn, mặt bằng xây dựng rộng, điều kiện vận chuyển vật liệu trong nội bộ công trường có nhiều khác biệt thì Chủ đầu tư hoặc Ban đơn giá (đối với đơn giá khu vực các tỉnh, thành phố hoặc công

trình) và đơn vị nhận thầu xây dựng thống nhất cách tính toán chi phí này và báo cáo cơ quan quản lý đơn giá xem xét.

* Chi phí vật liệu đến hiện trường xây lắp đối với các công trình quan trọng của Nhà nước được phép lập đơn giá riêng, các công trình ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, các công trình đường dây tải điện, hệ thống thông tin bưu điện, kênh mương được bổ sung thêm hao hụt vật liệu trong vận chuyển ngoài công trình và bảo quản tại kho. (Định mức hao hụt vật liệu trong vận chuyển, bảo quản quy định trong định mức vật tư ban hành kèm theo Quyết định số 22/2001/QĐ-BXD ngày 24/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)/.

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

CHỈ THỊ của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông số 06/2004/CT-BBCVT ngày 07/5/2004 về việc tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin bưu chính, viễn thông và Internet trong tình hình mới.

Trong tình hình hiện nay, các thế lực thù địch tăng cường lợi dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông và internet hoạt

động xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TW ngày 18/8/2003 của Ban Bí thư về việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (Khóa IX) và Chương trình hành động số 44A/CTHĐ-BCS ngày 15/10/2003 của Ban cán sự Đảng Bộ Bưu Chính, Viễn thông thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (Khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TCBĐ-BCA ngày 07/6/2001 của Tổng cục Bưu điện (nay là Bộ Bưu chính, Viễn thông) và Bộ Công an; nhằm tăng cường đảm bảo an toàn an ninh thông tin phục vụ cho công tác quản lý nhà nước đối với việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông và internet, sử dụng thiết bị phát, thu phát vô tuyến điện trên toàn quốc, Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông chỉ thị các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và internet thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về bưu chính, viễn thông và internet; có trách nhiệm đảm bảo an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và internet; thực hiện các yêu cầu về đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin của Bộ Bưu chính, Viễn thông, Bộ Công an và các cơ quan nhà nước có